

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 124/SNV-CCHC
V/v hướng dẫn tự đánh giá,
chấm điểm xác định Chỉ số
CCHC trên địa bàn tỉnh Kiên
Giang

Kiên Giang, ngày 23 tháng 02 năm 2018

VP. SỞ NỘI VỤ TỈNH KIÊN GIANG
ĐẾN
Số: 346
Ngày: 26/02/18
Chuyên: 10

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố;
- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 2619/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Xác định Chỉ số cải cách hành chính (CCHC) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Sở Nội vụ hướng dẫn việc tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC hàng năm đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích:

- Giúp cơ quan quản lý theo dõi, phát hiện và chỉ đạo khắc phục kịp thời những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện chương trình, kế hoạch cải cách hành chính; là cơ sở để bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm.
- Nâng cao trách nhiệm, vai trò của thủ trưởng và cán bộ, công chức, viên chức về công tác cải cách hành chính trong từng cơ quan, đơn vị.
- Căn cứ để xây dựng kế hoạch cải cách hành chính hàng năm, góp phần đẩy mạnh công tác cải cách hành chính của tỉnh.

2. Yêu cầu:

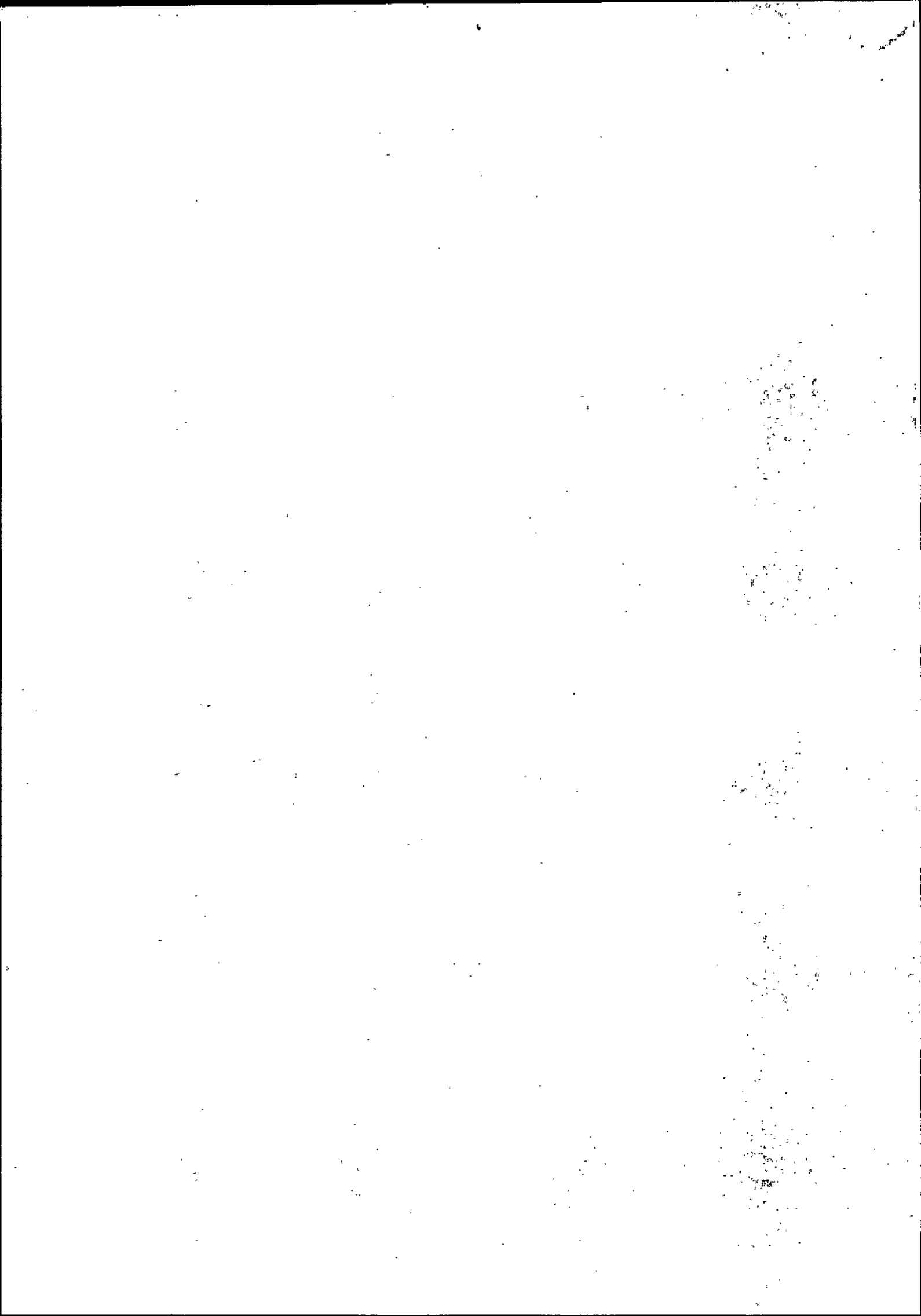
- Phản ánh thực chất, đầy đủ những nội dung của việc thực hiện kế hoạch, chương trình cải cách hành chính.
- Đánh giá khách quan việc thực hiện chương trình cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Tổ chức định kỳ hàng năm.

II. ĐỐI TƯỢNG, QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ

1. Đối tượng áp dụng:

- Các sở, ban ngành trực thuộc UBND tỉnh, các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh tự đánh giá xác định Chỉ số CCHC, gửi kết quả về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

- UBND cấp huyện tự đánh giá xác định Chỉ số CCHC, gửi kết quả về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ). Đồng thời thẩm định kết quả tự đánh giá xác định



Chỉ số CCHC của UBND cấp xã trình UBND cấp huyện quyết định công nhận và công bố kết quả xếp hạng CCHC.

- UBND cấp xã, tự đánh giá xác định Chỉ số CCHC, gửi kết quả về UBND cấp huyện (qua Phòng Nội vụ).

2. Quy trình:

a) Ban hành kế hoạch

- Việc ban hành kế hoạch đánh giá, phân loại là nhu cầu cần thiết giúp cho từng cơ quan, đơn vị hiểu được mục đích, yêu cầu, nội dung, quy trình, thủ tục, thời gian, phân công nhiệm vụ cho từng tổ chức, cá nhân trong việc đánh giá.

- Đối với kế hoạch đánh giá của sở, ngành; UBND cấp xã chỉ phản ánh nội dung tự đánh giá. Nhưng kế hoạch của UBND cấp huyện phải phản ánh 2 nội dung: tự đánh giá của cấp huyện và thẩm định kết quả tự đánh giá đánh giá của cấp xã.

b) Thành lập Hội đồng đánh giá và Hội đồng thẩm định.

- Hội đồng đánh giá (theo Khoản 1, Điều 8 của Quy định) được thành lập tại 3 cấp: xã, huyện, sở.

- Hội đồng thẩm định: Chỉ thành lập ở cấp huyện. Tuy nhiên để thuận tiện có thể chỉ thành lập 01 hội đồng, nhưng thực hiện 2 nhiệm vụ (tự đánh giá và thẩm định).

c) Thời gian tổ chức tự đánh giá.

- Cấp xã: Tiến hành tự đánh giá, chấm điểm từ đầu tháng 01 hàng năm và gửi hồ sơ về Hội đồng thẩm định cấp huyện (qua Phòng Nội vụ) trước ngày 30 tháng 01 hàng năm.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện tiến hành tự đánh giá, chấm điểm từ đầu tháng 01 hàng năm và hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo về Hội đồng thẩm định cấp tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước cuối tháng 02 hàng năm.

d) Thời gian tổ chức thẩm định và công bố kết quả

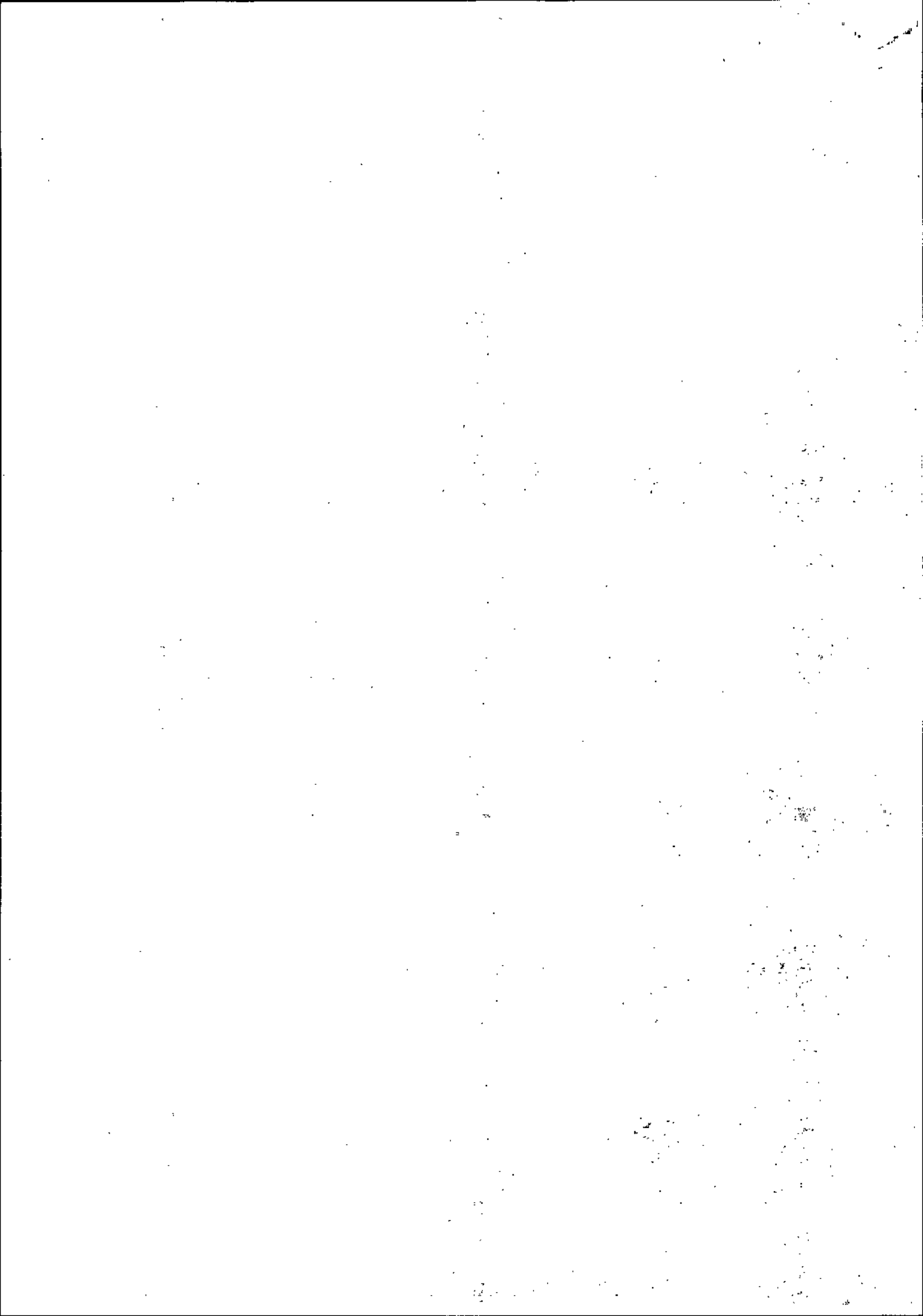
- Hội đồng thẩm định cấp huyện thẩm định kết quả tự đánh giá của UBND cấp xã, trình UBND cấp huyện xem xét công bố kết quả xác định Chỉ số CCHC và đề xuất khen thưởng đối với cấp xã chậm nhất là tháng 3 năm sau liền kề với năm đánh giá xác định Chỉ số CCHC.

- Hội đồng thẩm định cấp tỉnh thẩm định kết quả tự đánh giá của các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, trình UBND tỉnh xem xét công bố kết quả xác định Chỉ số CCHC và đề xuất khen thưởng chậm nhất là tháng 5 năm sau liền kề với năm đánh giá xác định Chỉ số CCHC.

e) Kết quả xếp hạng xác định Chỉ số CCHC : Khoản 4, Điều 8 của Quy định.

III. HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ VÀ TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG

1. Hồ sơ đánh giá:



Sau khi tự đánh giá, chấm điểm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định trong Chỉ số cải cách hành chính, các sở, ban ngành, UBND cấp huyện xây dựng báo cáo gửi Sở Nội vụ tổng hợp theo quy định, cụ thể:

a) Tên báo cáo: Báo cáo về tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC (*Phụ lục I Hướng dẫn chấm điểm của Sở Nội vụ kèm theo*).

b) Nội dung báo cáo: là Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm Tiêu chí theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC tại Điều 4 của Quy định, cụ thể là: (*Bảng 1,2,3,4 Hướng dẫn chấm điểm của Sở Nội vụ kèm theo*).

2. Tài liệu kiểm chứng:

- Tài liệu kiểm chứng là các kế hoạch, báo cáo, số liệu thống kê,... đã được cơ quan, đơn vị ban hành hoặc cơ quan thẩm quyền phê duyệt. Đối với các tài liệu kiểm chứng đã được gửi cho Sở Nội vụ (như báo cáo, kế hoạch cải cách hành chính,...) các đơn vị chỉ nêu tên văn bản tại cột tài liệu kiểm chứng của Bảng tổng hợp kết quả chấm điểm. Các tài liệu còn lại được đính kèm bằng hình thức chèn **Insert object** hoặc kết nối tài liệu qua **Insert hyperlink** trên Bảng tổng hợp kết quả chấm điểm và gửi bằng file qua hợp thư điện tử.

- Đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng chưa thể hiện hết nội dung đánh giá, chấm điểm, các Sở, ban ngành, UBND cấp huyện phải giải thích cụ thể bằng văn bản về cách đánh giá, chấm điểm, kèm theo Bảng tổng hợp.

- Các đề xuất kiến nghị của cơ quan, đơn vị (nếu có).

Trên đây là hướng dẫn của Sở Nội vụ về công tác tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC hàng năm đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình triển khai thực hiện có gì khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ (Phòng Cải cách hành chính, ĐT: 0773. 920504) để phối hợp giải quyết. / 7LeC

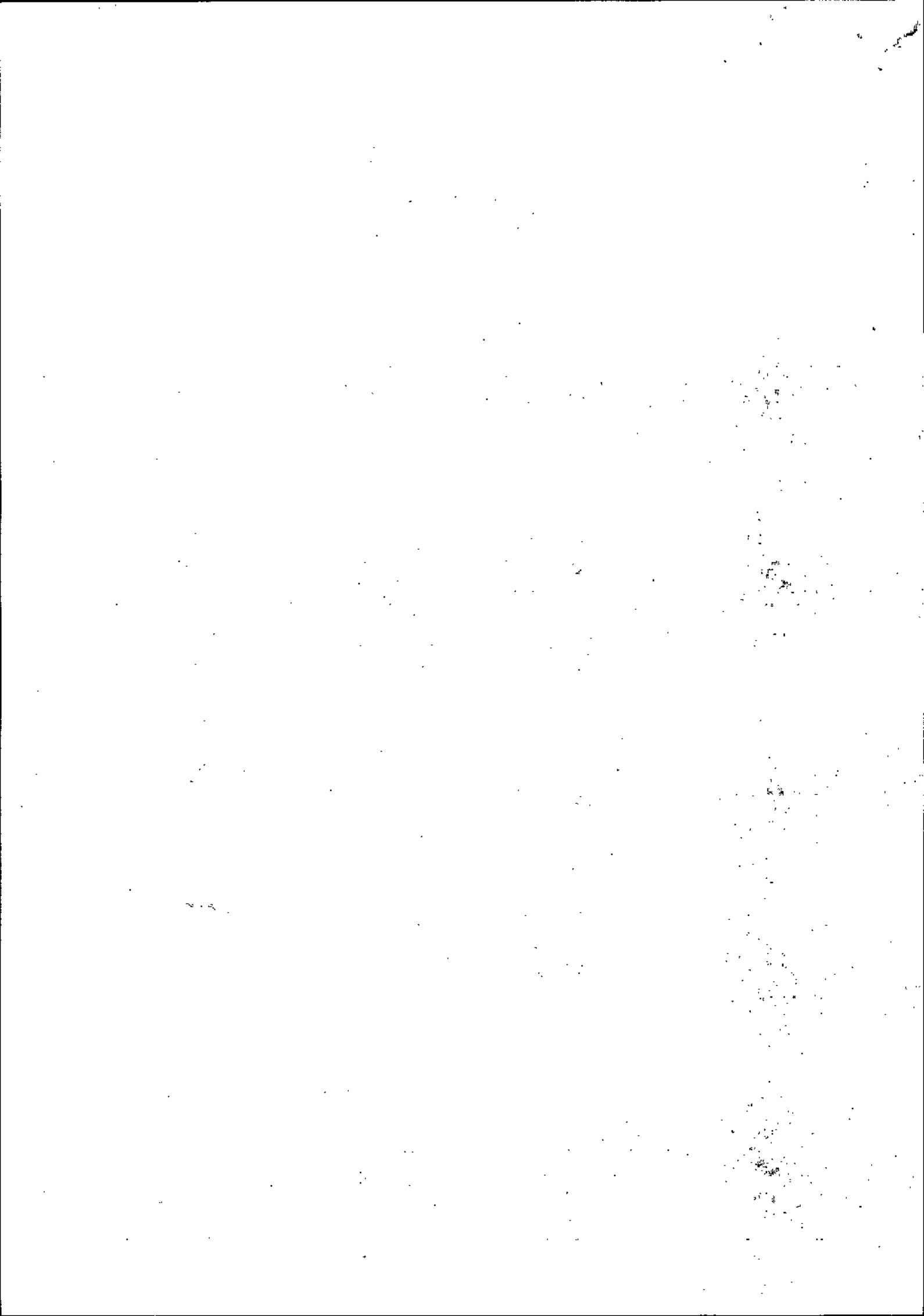
Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh (để phối hợp TH);
- Lưu: VT, CCHC.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Hà Văn Chiến



Phụ lục 1
MẪU BÁO CÁO
(Ban hành kèm theo Công văn số 184./SNV-CCHC
ngày 23 tháng 02 năm 2018 của Sở Nội vụ)

TÊN CƠ QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Về tự đánh giá, chấm điểm xác định
Chỉ số cải cách hành chính năm.....**

Cơ quan gửi Sở Nội vụ báo cáo về tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số Cải cách hành chính năm với các nội dung chính như sau:

- Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính (xin gửi kèm theo).
- Các tài liệu kiểm chứng gửi kèm theo Bảng tổng hợp.
- Đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng (thì phải diễn giải đầy đủ, cụ thể cách đánh giá, tính điểm) kèm theo Bảng tổng hợp.
- Các đề xuất, kiến nghị của đơn vị (nếu có)./. ƯC

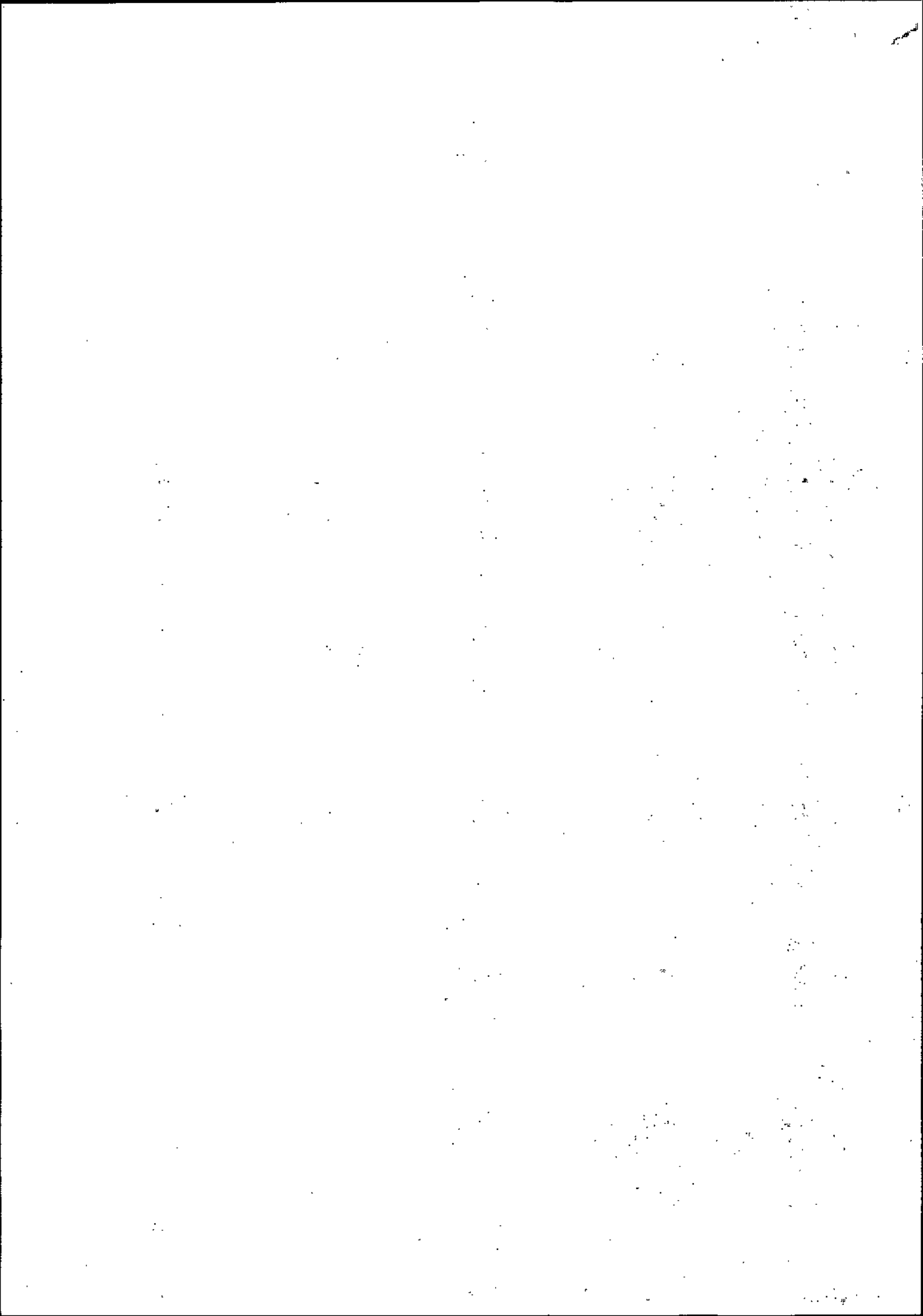
Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;

- ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(ký tên, đóng dấu)



Bảng 1
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM
CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số /BC-CHCC ngày tháng năm 2018 của Sở)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (CCHC)	20		
1.1	Kế hoạch CCHC năm	5		
1.1.1	Thời gian ban hành kế hoạch (trong tháng 01 của năm ban hành kế hoạch) - Ban hành kịp thời: 1,5 điểm. - Ban hành không kịp thời: 0 điểm.	1,5		Kế hoạch số ... CCHC năm
1.1.2	Chất lượng kế hoạch CCHC - Đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Sở Nội vụ: 1,5 điểm - Không đạt yêu cầu theo hướng dẫn của Sở Nội vụ: 0 điểm	1,5		
1.1.3	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC: - Hoàn thành 100% kế hoạch: 2 điểm - Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 1 điểm - Hoàn thành từ 70% - dưới 85% kế hoạch: 0,5 điểm - Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0 điểm.	2		
1.2	Thực hiện công tác báo cáo CCHC	4		
1.2.1	Báo cáo định kỳ: - Đáp ứng yêu cầu về số lượng, nội dung và thời gian báo cáo theo hướng dẫn: 1 điểm - Không đáp ứng yêu cầu về số lượng, nội dung và thời gian báo cáo theo hướng dẫn: 0 điểm	1		
1.2.2	Báo cáo chuyên đề hoặc đột xuất đầy đủ: - Thiếu hoặc không báo cáo thì cứ 01 báo cáo trừ 0,5 điểm; - Trường hợp trong năm không yêu cầu báo cáo thì số điểm được chấm đủ điểm.	1		
1.2.3	Báo cáo tự chấm điểm kết quả Chỉ số CCHC: - Điểm tự chấm chính xác 100% so với kết quả thẩm định: 2 điểm. - Điểm tự chấm sai số không quá 3% so với kết quả thẩm định: 1 điểm - Điểm tự chấm sai số từ 3% trở lên so với kết quả thẩm định: 0 điểm	2		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
1.3	Kiểm tra công tác cải cách hành chính	4		
1.3.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra trên 30% các đơn vị trực thuộc hoặc các đơn vị thuộc quyền quản lý (trong quý I hàng năm): - Ban hành kế hoạch đúng thời gian quy định và tỷ lệ số đơn vị trực thuộc hoặc các đơn vị thuộc quyền quản lý được kiểm tra đạt từ 30% trở lên: 1 điểm. - Ban hành kế hoạch kiểm tra trễ so với thời gian quy định hoặc kiểm tra từ 20% - dưới 30% số đơn vị trực thuộc hoặc các đơn vị thuộc quyền quản lý: 0,5 điểm. - Không ban hành kế hoạch hoặc số đơn vị trực thuộc hoặc các đơn vị thuộc quyền quản lý được kiểm tra dưới 20%: 0 điểm.	1		
1.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra: - 100% kế hoạch: 2 điểm; - Từ 70% - 100% kế hoạch: 1 điểm; - Dưới 70% kế hoạch: 0 điểm.	2		
1.3.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra: - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm - Từ 70% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm - Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm	1		
1.4	Công tác tuyên truyền cải cách hành chính	4		
1.4.1	Ban hành kế hoạch tuyên truyền CCHC (trong quý I hàng năm) - Ban hành kịp thời: 1 điểm - Ban hành không kịp thời: 0 điểm	1		
1.4.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC - Hoàn thành 100% kế hoạch: 2 điểm - Hoàn thành từ 80% - dưới 100% kế hoạch: 1 điểm - Hoàn thành dưới 80% kế hoạch: 0 điểm	2		
1.4.3	Mức độ đa dạng trong tuyên truyền CCHC - Thực hiện tuyên truyền đầy đủ các nội dung CCHC thông qua các kênh truyền thông: 0,5 điểm - Thực hiện các hình thức tuyên truyền khác	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	về CCHC: 0,5 điểm			
1.5	Sáng kiến trong cải cách hành chính - Có kế hoạch hướng ứng thi đua chuyên đề hàng năm về CCHC: 1 điểm - Có sáng kiến mới (giải pháp, mô hình mới... hiệu quả) trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị trong năm: 2 điểm	3		
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CẤP TỈNH	12		
2.1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)	4		
2.1.1	Xây dựng VBQPPL trong năm theo danh mục đã được UBND tỉnh phê duyệt - 100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 2 điểm - Từ 90% - dưới 100% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 1,5 điểm - Từ 80% - dưới 90% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 0,5 điểm - Dưới 80% số văn bản được ban hành đúng tiến độ: 0 điểm (Cơ quan, đơn vị không được giao xây dựng VBQPPL thì tài liệu kiểm chứng là các văn bản góp ý dự thảo VBQPPL, văn bản triển khai thực hiện VBQPPL)	2		
2.1.2	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL: - 100% VBQPPL ban hành trong năm được xây dựng đúng quy trình: 2 điểm - Dưới 100% VBQPPL ban hành trong năm xây dựng đúng quy trình: 0 điểm (Cơ quan, đơn vị không được giao xây dựng VBQPPL thì tài liệu kiểm chứng là các văn bản góp ý dự thảo VBQPPL, văn bản triển khai thực hiện VBQPPL)	2		
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật	3		
2.2.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật của cơ quan, đơn vị - Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm - Hoàn thành từ 85% - dưới 100% kế hoạch: 0,5 điểm - Hoàn thành dưới 85% kế hoạch: 0 điểm	1		
2.2.2	Thực hiện công tác báo cáo theo dõi thi hành pháp luật - Báo cáo đúng nội dung và thời gian quy định: 1 điểm - Báo cáo không đúng nội dung hoặc	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm</i>			
2.2.3	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật - 100% số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm - Từ 70% - dưới 100% số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm - Dưới 70% số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm	1		
2.3	Rà soát, hệ thống hóa VBQPPL	3		
2.3.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL - Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 1 điểm - Báo cáo không đúng nội dung hoặc thời gian theo quy định: 0 điểm	1		
2.3.2	Xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 2 điểm - Từ 70% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm - Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm	2		
2.4	Kiểm tra, xử lý VBQPPL	2		
2.4.1	Thực hiện công tác báo cáo hàng năm về kiểm tra, xử lý VBQPPL - Báo cáo đúng nội dung và thời gian theo quy định: 1 điểm - Báo cáo không đúng thời gian hoặc không đúng thời gian theo quy định: 0 điểm	1		
2.4.2	Xử lý vấn đề phát hiện qua kiểm tra - 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm - 70% - dưới 100% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5 điểm - Dưới 70% số vấn đề phát hiện được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm	1		
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	16		
3.1	Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính (TTHC)	4		
3.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC - Hoàn thành 100% kế hoạch: 2 điểm - Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế	2		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>hoạch: 1 điểm</i> <i>- Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0 điểm</i>			
3.1.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát - 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 2 điểm - Từ 70% - dưới 100% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm - Dưới 70% số vấn đề phát hiện qua rà soát được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm	2		
3.2	Công bố, cập nhật thủ tục hành chính	4		
3.2.1	Công bố TTHC theo quy định của bộ, ngành chủ quản - Công bố đầy đủ, kịp thời TTHC và các quy định có liên quan: 2 điểm - Công bố không đầy đủ hoặc không kịp thời: 0 điểm	2		
3.2.2	Cập nhật TTHC và các văn bản quy định về TTHC vào cơ sở dữ liệu của tỉnh, của quốc gia - Kịp thời: 2 điểm - Không kịp thời: 0 điểm	2		
3.3	Công khai, niêm yết thủ tục hành chính	4		
3.3.1	Công khai các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả: - 100% số TTHC: 2 điểm - Dưới 100% số TTHC hoặc không đúng quy định: 0 điểm	2		
3.3.2	Công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh hoặc Website của cơ quan, đơn vị - 100% số TTHC: 2 điểm - Dưới 100% số TTHC: 0 điểm	2		
3.4	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị	4		
3.4.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền xử lý của cơ quan, đơn vị - Thực hiện đúng quy định: 2 điểm - Không thực hiện đúng quy định: 0 điểm	2		
3.4.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị - 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến	2		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>nghị xử lý: 2 điểm</i> <i>- Từ 90% - dưới 100% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 điểm</i> <i>- Dưới 90% số PAKN được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0 điểm</i>			
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	10		
4.1	Tuân thủ các quy định của UBND tỉnh và của Sở Nội vụ về tổ chức bộ máy <i>- Thực hiện đầy đủ theo quy định: 4 Điểm</i> <i>- Thực hiện không đầy đủ theo quy định: 0 điểm</i>	4		
4.2	Thực hiện phân cấp quản lý	6		
4.2.1	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý do Chính phủ, bộ, ngành Trung ương và UBND tỉnh ban hành <i>- Thực hiện đầy đủ các quy định: 2 điểm</i> <i>- Không thực hiện đầy đủ: 0 điểm</i>	2		
4.2.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cơ quan, đơn vị kể cả đơn vị trực thuộc <i>- Có thực hiện: 2 điểm</i> <i>- Không thực hiện: 0 điểm</i>	2		
4.2.3	Xử lý các vấn đề về phân cấp được phát hiện qua kiểm tra <i>- 100% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 2 điểm</i> <i>- Dưới 100%: 0 điểm</i>	2		
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	12		
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2		
5.1.1	Tỷ lệ phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc thực hiện đúng cơ cấu ngạch công chức theo vị trí việc làm được phê duyệt: <i>- 100% số cơ quan, đơn vị: 1 điểm</i> <i>- Từ 70% - dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 0,5 điểm</i> <i>- Dưới 70% số cơ quan, đơn vị: 0 điểm</i>	1		
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<p>làm được phê duyệt (Sở, ban, ngành không có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thì được chuyển điểm lên tiêu chí thành phần 5.1.1)</p> <p>- 100% số đơn vị: 1 điểm - Từ 70% - dưới 100% số đơn vị: 0,5 điểm; - Dưới 70% số đơn vị: 0 điểm.</p>			
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	2		
5.2.1	<p>Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại cơ quan, đơn vị</p> <p>- Đúng quy định: 1 điểm - Không đúng quy định: 0 điểm</p>	1		
5.2.2	<p>Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc</p> <p>- Đúng quy định: 1 điểm - Không đúng quy định: 0 điểm</p> <p>(Sở, ban, ngành không có đơn vị sự nghiệp công lập thì chuyển điểm TCTP 5.2.2 lên TCTP 5.2.1)</p>	1		
5.3	<p>Thực hiện quy định về bổ nhiệm vị trí lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương</p> <p>- 100% lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 2 điểm - Dưới 100% lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương được bổ nhiệm đúng quy định: 0 điểm</p>	2		
5.4	<p>Thực hiện quy định về đánh giá, phân loại công chức, viên chức</p> <p>- Đúng quy định: 1 điểm - Không đúng quy định: 0 điểm</p>	1		
5.5	<p>Mức độ hoàn thành kế hoạch tình hình biên chế trong năm</p> <p>- Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm - Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0,5 điểm - Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0 điểm</p>	1		
5.6	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	2		
5.6.1	Thực hiện công tác báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	chức - Đúng quy định: 1 điểm - Không đúng quy định: 0 điểm			
5.6.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức - Hoàn thành 100% kế hoạch: 1 điểm - Hoàn thành từ 70% - dưới 100% kế hoạch: 0,5 điểm - Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0 điểm	1		
5.7	Thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức theo đúng quy định	2		
5.7.1	Xây dựng danh mục và kế hoạch chuyển đổi - Có xây dựng: 1 điểm - Không xây dựng: 0 điểm	1		
5.7.2	Tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi - Thực hiện đúng kế hoạch: 1 điểm - Không thực hiện kế hoạch: 0 điểm	1		
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	8		
6.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí hành chính - Đúng quy định: 2 điểm - Không đúng quy định: 0 điểm	2		
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan đơn vị (Số, ban, ngành không có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thì được chuyển điểm lên tiêu chí 6.1)	4		
6.2.1	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm - 100% số đơn vị: 1 điểm - Dưới 100% đơn vị: 0 điểm	1		
6.2.2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên - 100% số đơn vị: 1 điểm - Từ 80% - dưới 100% số đơn vị: 0,5 điểm - Dưới 80% số đơn vị: 0 điểm	1		
6.2.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án vận dụng	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<p>Cơ chế tài chính như doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án: 1 điểm - Từ 80% - dưới 100% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án: 0,5 điểm - Dưới 80% số đơn vị đủ điều kiện đã được phê duyệt Đề án: 0 điểm 			
6.2.4	<p>Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% số đơn vị: 1 điểm - Dưới 100% số đơn vị: 0 điểm 	1		
6.3	<p>Công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng tài chính công, thực hiện tiết kiệm chi, tăng thu nhập cho công chức, viên chức từ nguồn kinh phí tiết kiệm được</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thực hiện: 1 điểm. - Không thực hiện: 0 điểm. 	1		
6.4	<p>Báo cáo việc thực hiện cải cách tài chính công theo đúng quy định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ báo cáo hàng quý về tài chính công và gửi đúng thời gian quy định: 1 điểm - Trường hợp báo cáo thiếu hoặc trễ thời gian quy định thì cứ mỗi báo cáo trừ 0,25 điểm. 	1		
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	10		
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin của sở, ban, ngành tỉnh	5		
7.1.1	<p>Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên 90%: 1 điểm - Từ 75% - 90%: 0,5 điểm - Từ 60% - dưới 75%: 0,25 điểm - Dưới 60%: 0 điểm 	1		
7.1.2	<p>Tỷ lệ công chức, viên chức được cấp và thường xuyên sử dụng thư điện tử công vụ (@kiengiang.gov.vn, hoặc hệ thống riêng của ngành) trong trao đổi công việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên 90%: 1 điểm - Từ 70% - 90%: 0,5 điểm 	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	- Dưới 70%: 0 điểm			
7.1.3	Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị - Cập nhật thông tin thường xuyên: 1 điểm - Cập nhật thông tin không thường xuyên: 0,5 điểm - Không cập nhật thông tin: 0 điểm	1		
7.1.4	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận và xử lý trên phần mềm Một cửa điện tử - Trên 90%: 1 điểm - Từ 70% - 90%: 0,5 điểm - Từ 50% - dưới 70%: 0,25 điểm - Dưới 50%: 0 điểm	1		
7.1.5	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến: - Có xử lý hồ sơ TTHC trực tuyến mức độ 3: 0,5 điểm - Có xử lý hồ sơ TTHC trực tuyến mức độ 4: 0,5 điểm	1		
7.2	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001	5		
7.2.1	Thực hiện việc xây dựng các thủ tục hành chính thành các quy trình ISO (tác nghiệp) phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 - Đã công bố, công bố lại (nếu có), gửi thông báo về Sở Khoa học và Công nghệ: 1 điểm - Đã công bố, gửi thông báo về Sở Khoa học và Công nghệ: 0,5 điểm - Đã công bố nhưng chưa công bố lại khi có sự thay đổi: 0 điểm	1		
7.2.2	Duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 - Có ban hành mục tiêu chất lượng hàng năm và được đo lường, có báo cáo thực hiện mục tiêu: 0,5 điểm - Hàng năm có thực hiện đánh giá nội bộ và xem xét của lãnh đạo: 1 điểm - Hệ thống được cải tiến và được khắc phục kịp thời: 0,5 điểm	2		
7.2.3	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO	2		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<p>9001 vào các hoạt động của cơ quan, đơn vị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật đầy đủ danh mục tài liệu có nguồn gốc bên ngoài: 0,5 điểm - Cập nhật các thay đổi của VBQPPL liên quan đến TTHC đưa vào các quy trình tác nghiệp của HTQLCL để áp dụng: 0,5 điểm - Cập nhật đầy đủ các biểu mẫu, sử dụng đúng các biểu mẫu đã xây dựng trong quy trình: 0,5 điểm - Hồ sơ giải quyết được thực hiện theo đúng các bước trong quy trình (có phiếu theo dõi quá trình và có xác nhận từng công đoạn): 0,5 điểm 			
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	12		
8.1	Thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	2		
8.1.1	<p>Tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC đúng và trước thời hạn theo cơ chế một cửa</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% hồ sơ giải quyết đúng và trước thời hạn: 1 điểm - Từ 85% - dưới 100% hồ sơ giải quyết đúng và trước thời hạn: 0,5 điểm - Dưới 85% hồ sơ giải quyết đúng và trước thời hạn: 0 điểm 	1		
8.1.2	<p>Tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC đúng và trước thời hạn theo cơ chế một cửa liên thông</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% hồ sơ giải quyết đúng và trước thời hạn: 1 điểm - Từ 85% - dưới 100% hồ sơ giải quyết đúng và trước thời hạn: 0,5 điểm - Dưới 85% hồ sơ giải quyết đúng và trước thời hạn: 0 điểm 	1		
8.2	<p>Mở sổ, lập phiếu nhận, chuyển theo dõi tiếp nhận và giải quyết hồ sơ (theo mẫu quy định hiện hành)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ghi chép vào sổ đầy đủ, đúng quy định: 0,5 điểm - Lập đầy đủ phiếu nhận, phiếu chuyển theo quy định: 0,5 điểm - Không ghi chép vào sổ hoặc không lập 	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
	<i>đầy đủ phiếu nhận, chuyển theo quy định: 0 điểm</i>			
8.3	Số lượng thủ tục hành chính được công bố đưa vào thực hiện theo cơ chế một cửa: - 100% số thủ tục hành chính: 2 điểm - Dưới 100% số thủ tục hành chính: 0 điểm.	2		
8.4	Số lượng thủ tục hành chính được công bố đưa vào thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông - 100% số thủ tục hành chính: 2 điểm - Dưới 100% số thủ tục hành chính: 0 điểm. (sở, ban, ngành không có TTHC liên thông thì chuyển TC 8.4 lên TC 8.3).	2		
8.5	Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (Bộ phận TN&TKQ): - Diện tích Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đảm bảo theo quy định: 0,5 điểm - Trang thiết bị (máy tính, máy photo, điện thoại, nước uống, ghế ngồi,...) theo quy định: 0,5 điểm. - Không đảm bảo diện tích: trừ 0,5 điểm hoặc thiếu trang thiết bị: trừ 0,5 điểm.	1		
8.6	Giảm thời gian giải quyết các thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức (có văn bản chính thức của cơ quan công bố tại Bộ phận TN&TKQ): - Từ 20% trở lên số lượng TTHC giảm 1/3 thời gian giải quyết so với thời gian quy định: 1 điểm - Dưới 20% số lượng TTHC giảm 1/3 thời gian giải quyết so với thời gian quy định: 0 điểm.	1		
8.7	Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức về chất lượng phục vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (lấy phiếu thăm dò tại Bộ phận TN&TKQ): - 100% hài lòng: 2 điểm - Từ 85% - dưới 100% hài lòng: 1 điểm - Dưới 85% hài lòng: 0 điểm	2		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng
8.8	<p>Nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% TTHC trong danh mục thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích theo quyết định của UBND tỉnh được thực hiện: 1 điểm - Từ 85% - dưới 100% trong danh mục thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích theo quyết định của UBND tỉnh được thực hiện : 0,5 điểm - Dưới 85% trong danh mục thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích theo quyết định của UBND tỉnh được thực hiện: 0 điểm <p>(Sở, ban, ngành do TTHC có tính chất đặc thù không nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thì chuyển điểm TC 8.8. lên TCTP 8.1)</p>	1		
TỔNG SỐ ĐIỂM		100		

Loc

